

CTCP SEAREFICO

Ngày 28/06/2024	9,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	-4.0%	22.9%

DT thuần Q2/24
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▼44.0 -16.1%
YoY: ▼232 -50.5%

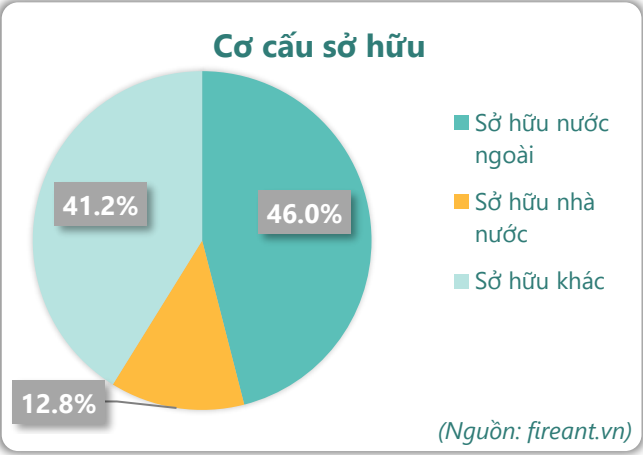
LN thuần Q2/24
-0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.97 97.3%
YoY: ▼1.52 -110%

LN sau thuế Q2/24
0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.62 -96.7%
YoY: ▼0.71 -97.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
3.8%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM) Q2/24
-0.1%
YoY: +/-▼ 0.2%

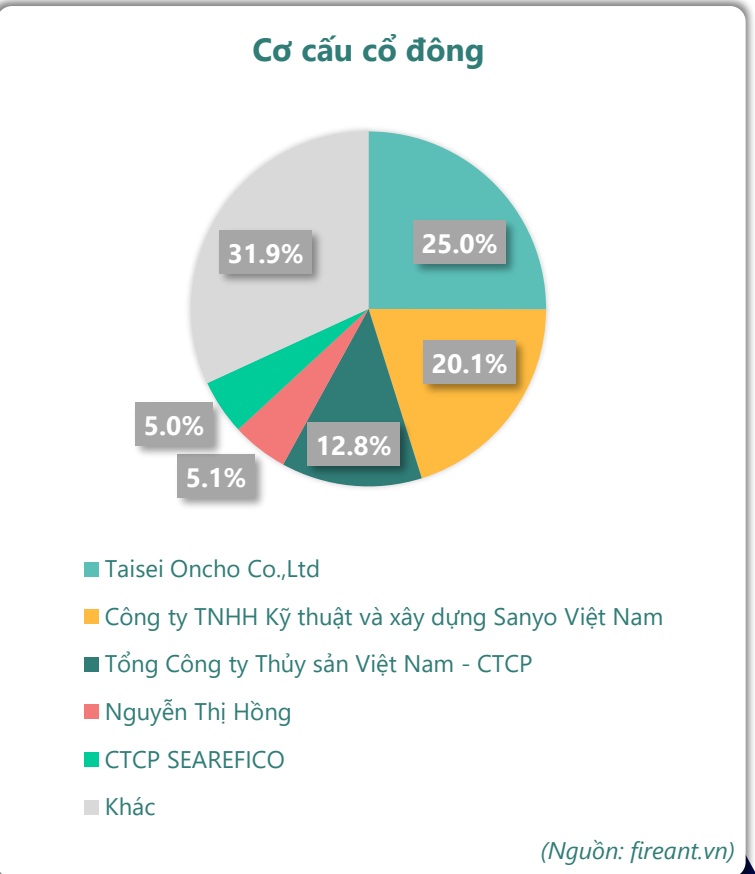
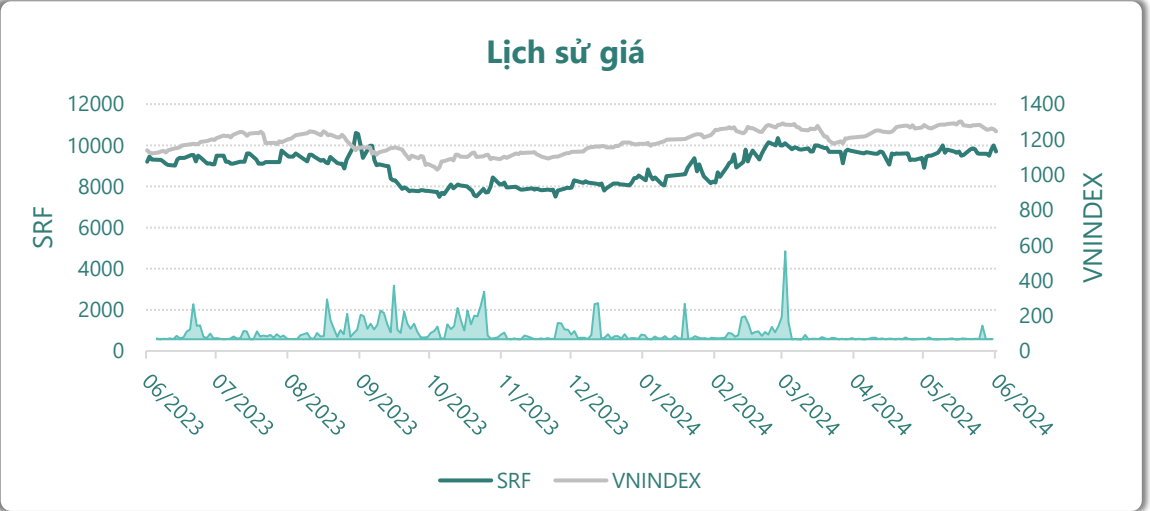
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,490 - 10,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	328
Số lượng CPLH (CP)	33,786,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,125
Sở hữu nước ngoài	46.0%
Beta	0.57
EPS	-15
P/E	-648.6



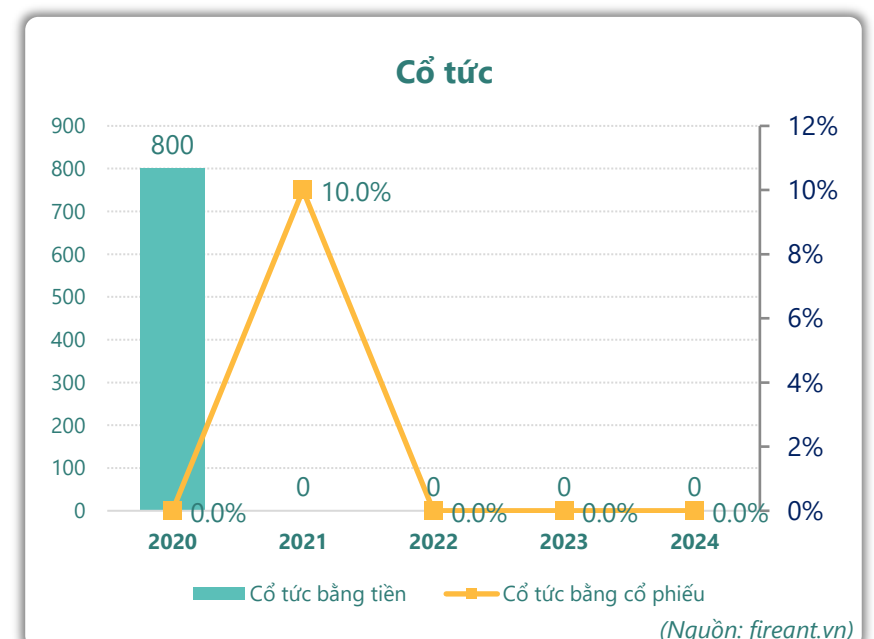
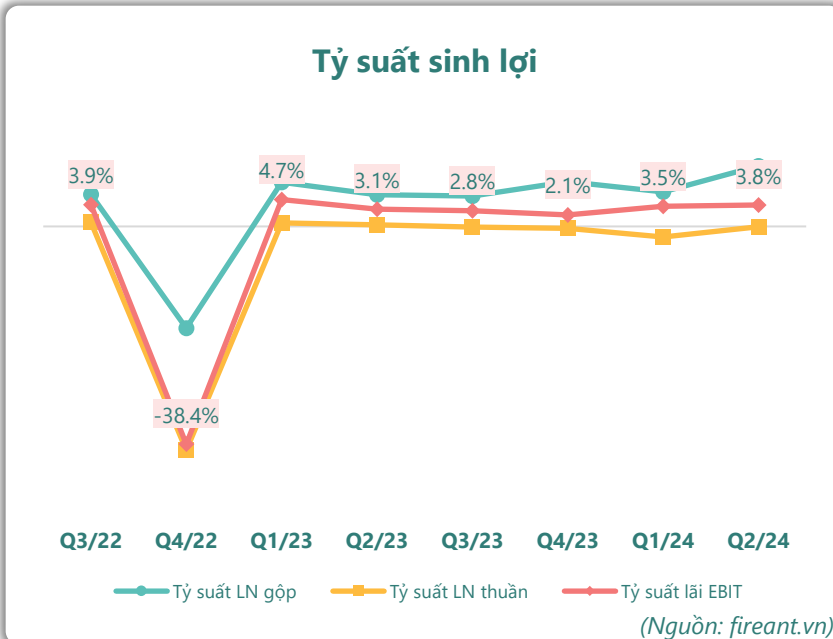
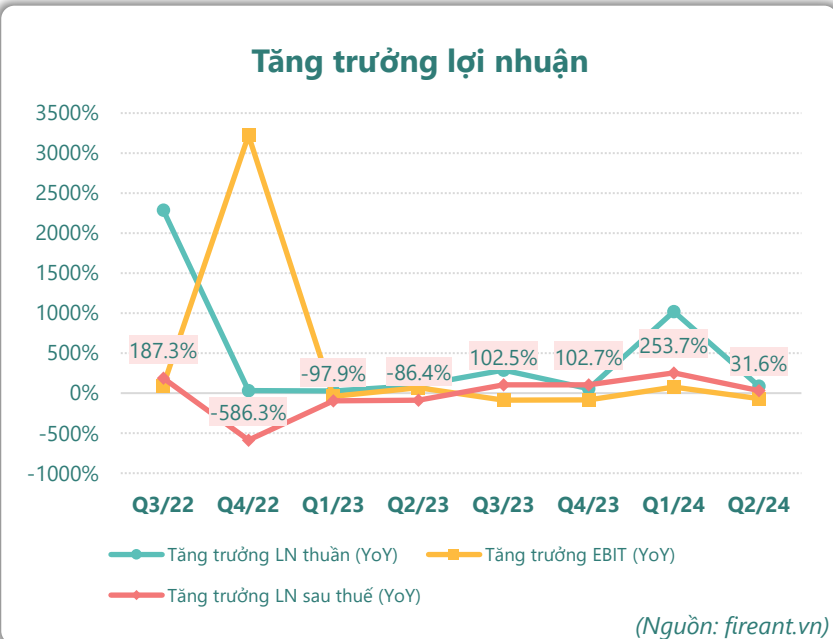
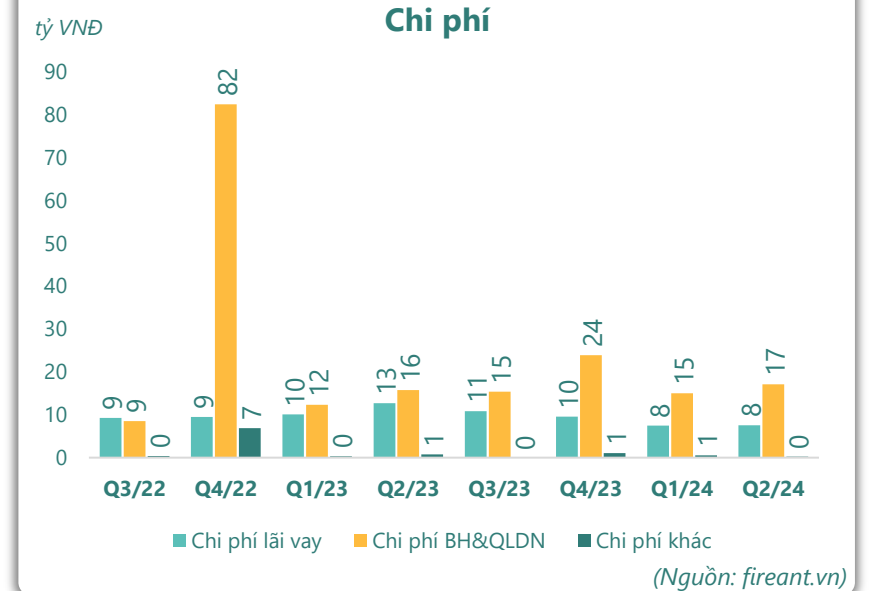
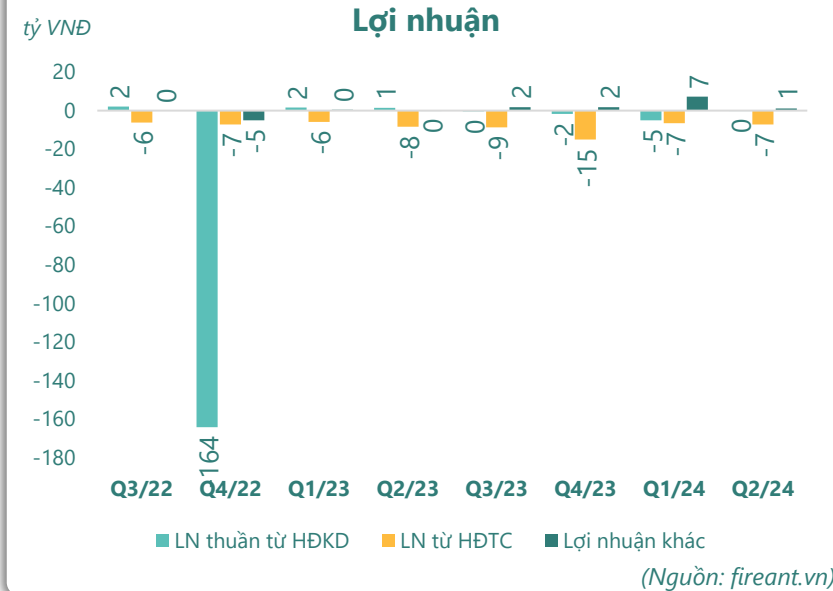
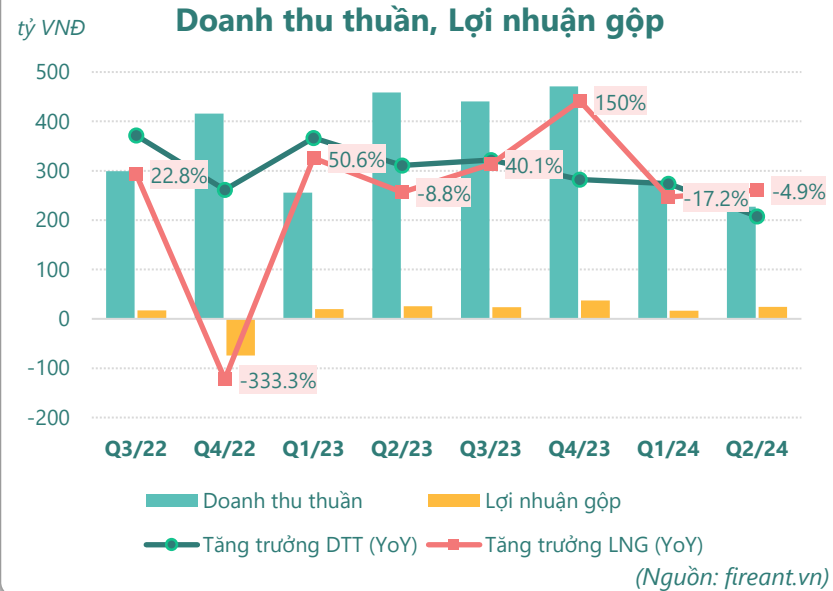
DT thuần 6T 2024
498
tỷ VNĐ
YoY: ▼216 -30.2%

LN thuần 6T 2024
-5.25
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.28 -273%

LN sau thuế 6T 2024
0.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.87 -74.0%



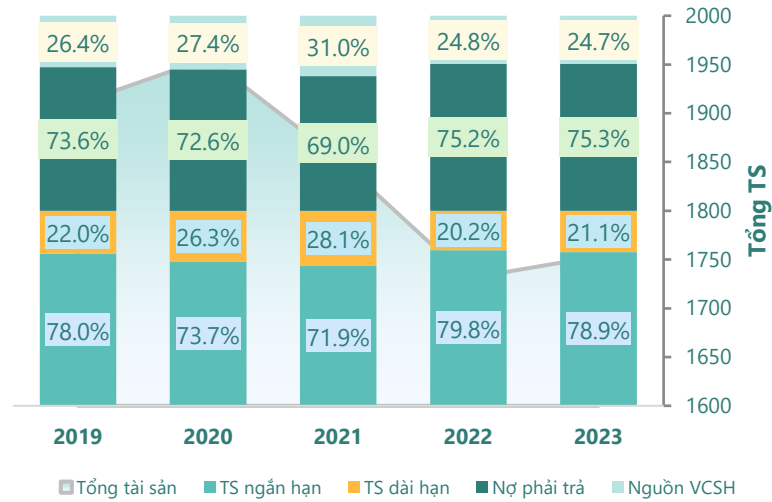
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

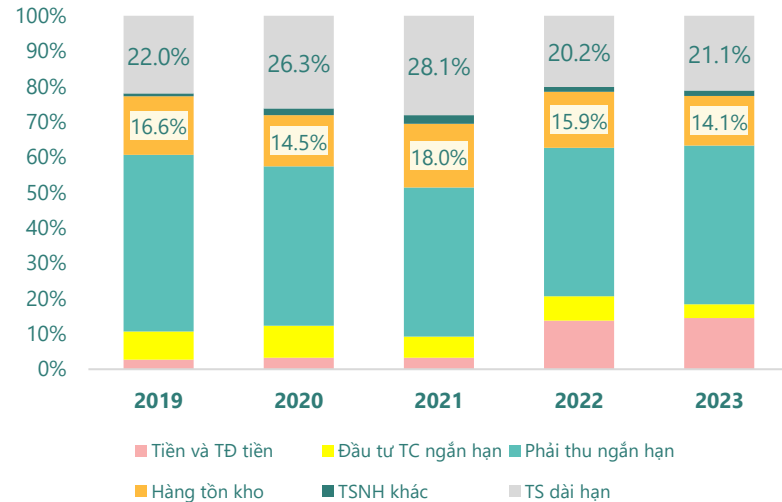
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

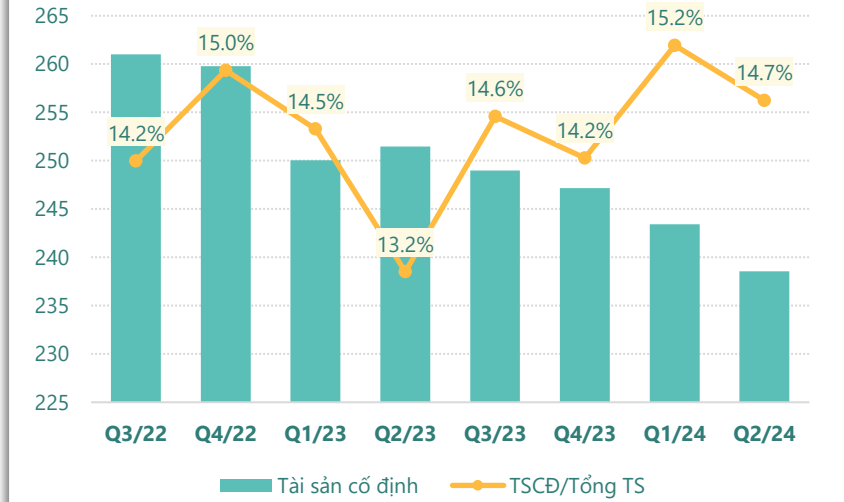
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

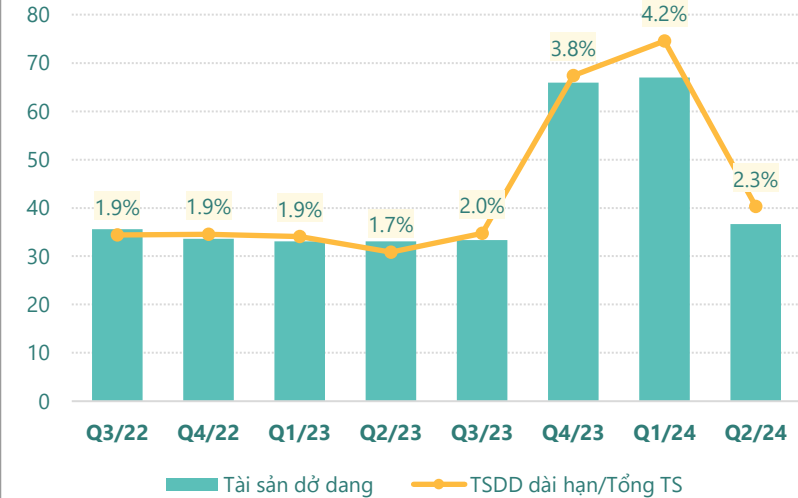
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

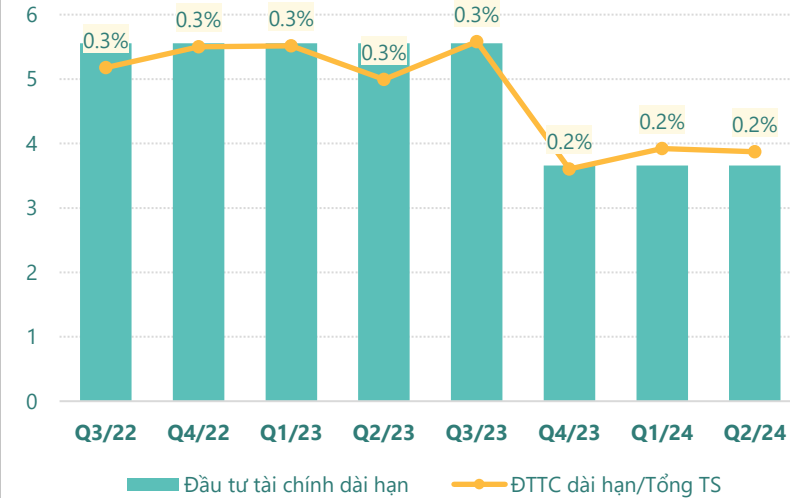
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

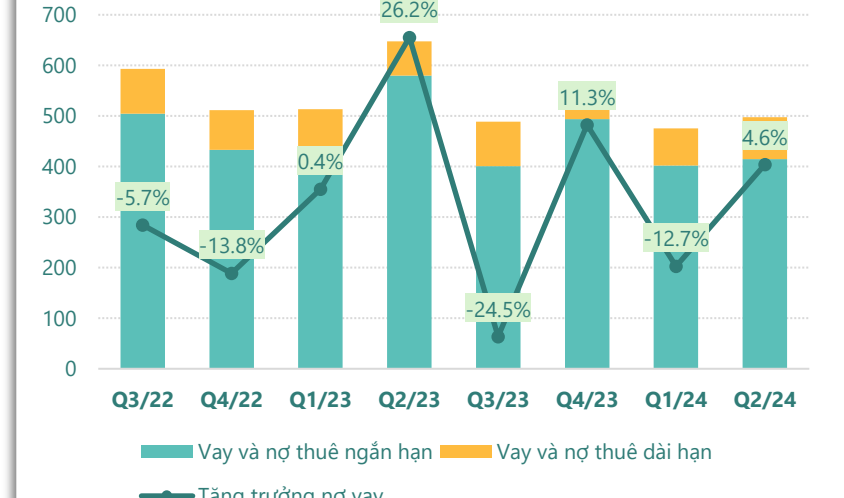
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

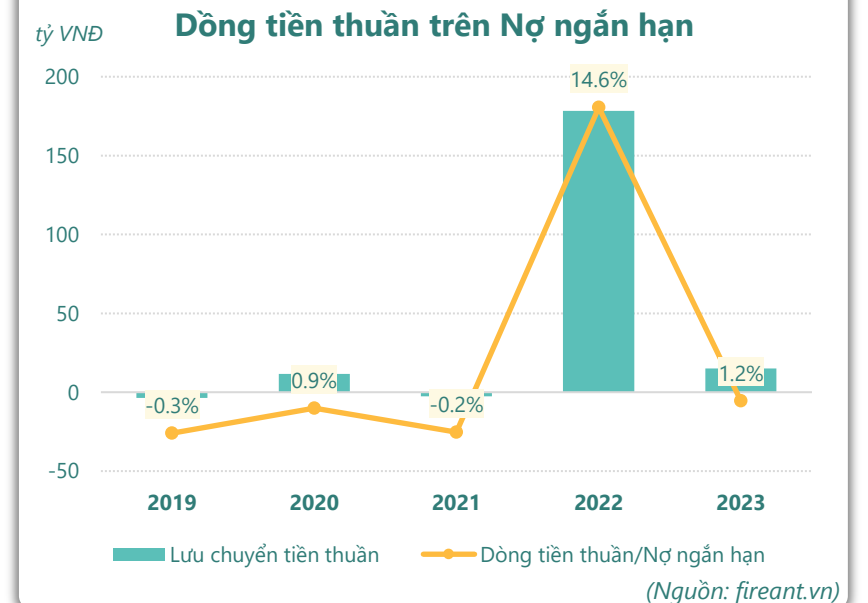
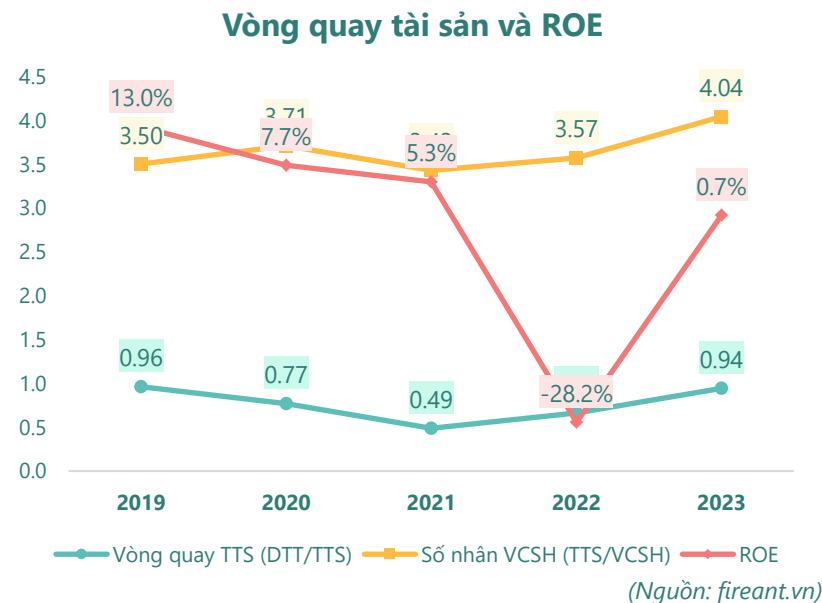
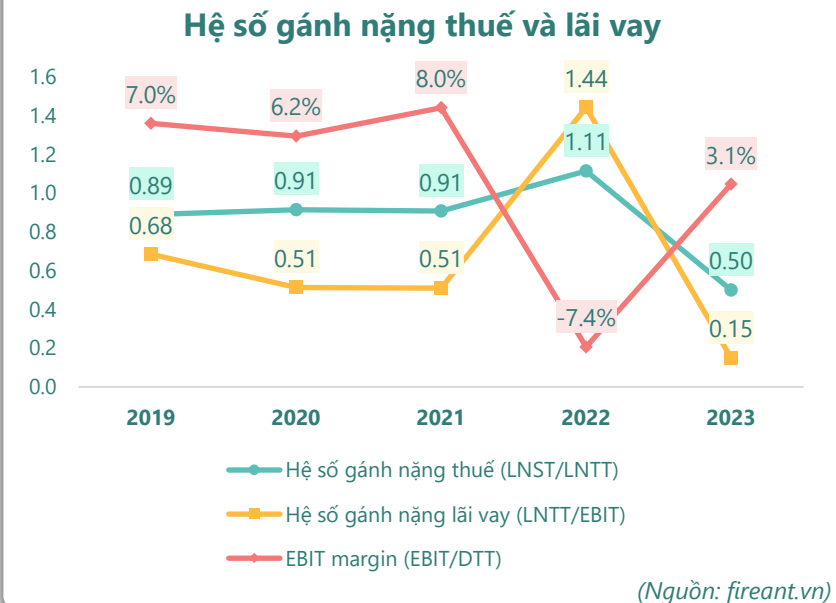
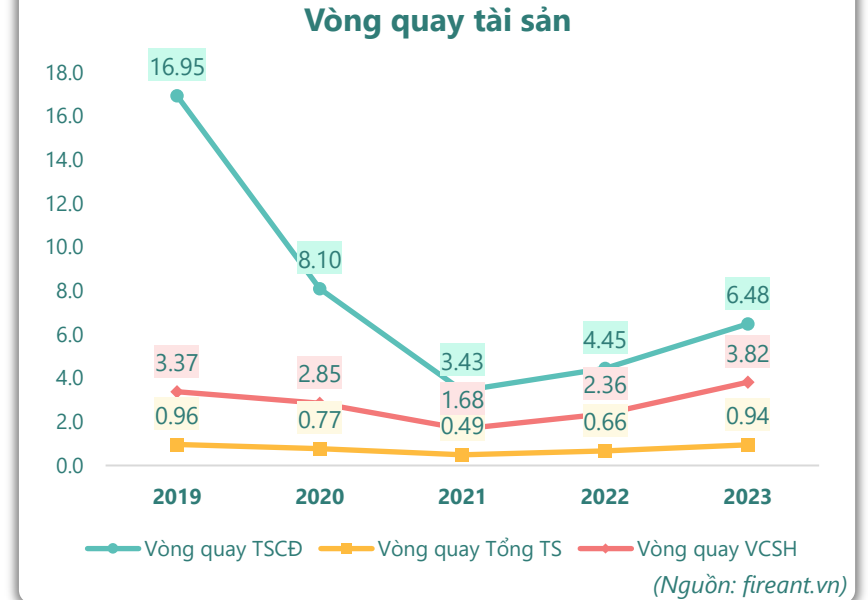
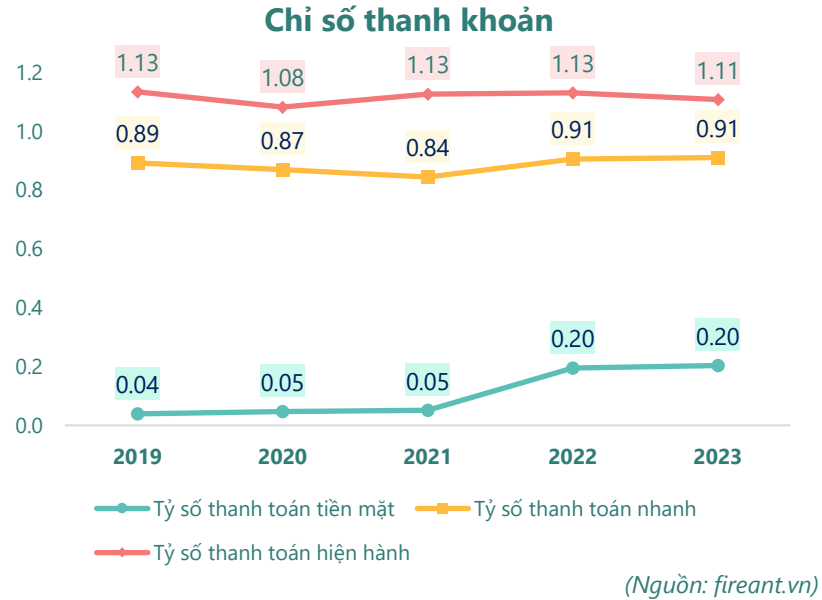
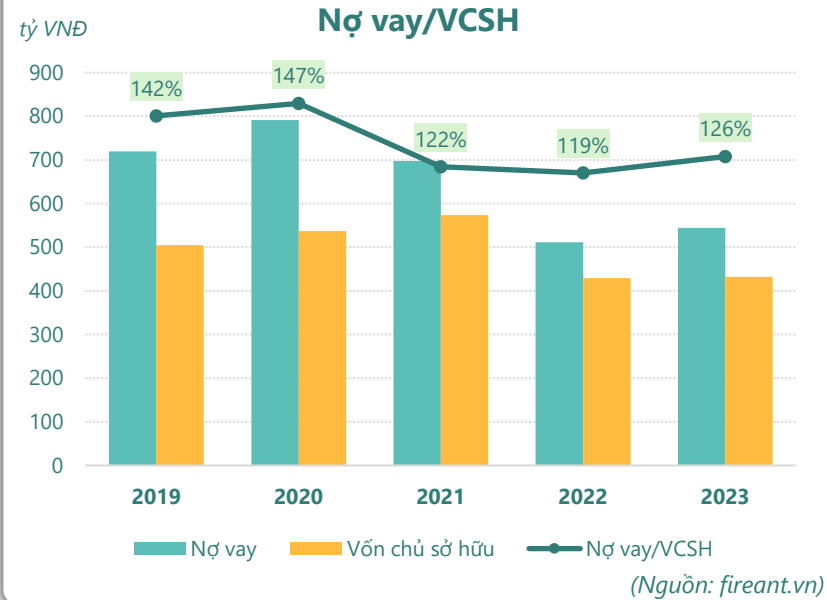
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	227	459	-50.5%	498	714	-30.2%
Giá vốn hàng bán	203	433	-53.1%	458	669	-31.6%
Lợi nhuận gộp	24.3	25.5	-4.8%	40.8	45.4	-10.2%
Doanh thu HĐTC	1.01	5.33	-81.0%	2.64	9.71	-72.8%
Chi phí TC	8.28	13.7	-39.6%	16.5	24.0	-31.4%
Chi phí lãi vay	7.56	12.7	-40.5%	15.1	22.8	-33.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.67	0.56	19.7%	0.77	1.04	-26.0%
Chi phí QLDN	16.5	15.2	8.4%	31.4	27.1	16.1%
LN thuần từ HĐKD	-0.14	1.38	-110%	-5.25	3.03	-273%
Lợi nhuận khác	1.14	-0.01	11541%	8.35	0.36	2191%
LN trước thuế	1.01	1.37	-26.6%	3.11	3.40	-8.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.02	0.73	-97.1%	0.66	2.53	-74.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.34	0.60	-157%	0.19	2.13	-91.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-47.0	-83.2	-22.9	104	-60.9	-60.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.00	-28.2	121	-46.1	-11.1	-4.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.25	134	-159	55.5	-68.9	24.6
Tiền đầu kỳ	239	197	220	159	273	132
Lưu chuyển tiền thuần	-41.7	22.9	-60.9	114	-141	-40.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.07	0.04	0.01	0.04	-0.04
Tiền cuối kỳ	197	220	159	273	132	73.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,619	1,753	-7.7%
Tài sản ngắn hạn	1,241	1,383	-10.3%
Tiền và tương đương tiền	73.0	254	-71.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.4	67.8	12.7%
Phải thu ngắn hạn	737	787	-6.3%
Hàng tồn kho	321	246	30.1%
Tài sản ngắn hạn khác	33.4	27.5	21.4%
Tài sản dài hạn	378	370	2.0%
Phải thu dài hạn	1.75	2.70	-35.1%
Tài sản cố định	239	247	-3.5%
Bất động sản đầu tư	52.3	5.91	784%
Tài sản dở dang	36.7	65.9	-44.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.66	3.66	0.0%
Tài sản dài hạn khác	45.0	45.2	-0.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,184	1,321	-10.4%
Nợ ngắn hạn	1,094	1,247	-12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	415	474	-12.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	369	454	-18.8%
Nợ dài hạn	89.2	73.6	21.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	82.5	70.5	17.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	435	432	0.6%
Vốn chủ sở hữu	435	432	0.6%
Vốn điều lệ	356	356	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

